

Số: 30/2021/HNGĐ-ST

Ngày 31/5/2021.

V/v: Ly hôn giữa bà Trần Thị Kim L
và ông Trần Quang T.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức Công.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cầm Văn Nam và ông Hoàng Xuân Ty.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dự là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 41/2021/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2021, về “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Kim L**, sinh năm 1963

Địa chỉ: Số nhà 164/16 đường P, Phường 2, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông **Trần Quang T**, sinh năm 1960

Địa chỉ: Số nhà 754 đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

+ Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/01/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị Kim L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trần Quang T kết hôn với nhau vào ngày 07/11/1982, có đăng ký tại UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, kết hôn hoàn toàn tự nguyện, không ai bị ép buộc, trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu được 01 tháng. Quá trình sống chung cho đến nay, vợ chồng sống hạnh phúc được 23 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do từ năm 2005 cho đến nay ông T thường xuyên uống rượu về lớn tiếng với bà, bà thường xuyên phải nhẫn nhịn; khi bà không chịu nổi có cãi lại thì ông T nổi tính nóng cuồng đánh đập bà, vì quá sợ hãi nên bà phải trốn đi khỏi nhà. Năm 2019 bà đã sống ly thân với ông T 03 tháng, sau đó bà trở về đoàn tụ. Quá trình sống chung tiếp theo ông T vẫn tính nào tạt này không sửa

chữa được. Vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi, mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến nhau nữa. Bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Quang T.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Trần Duy N, sinh ngày 27/8/1985; Trần Bảo D, sinh ngày 18/02/1988; Trần Duy L, sinh ngày 01/10/1994 và Trần Thùy H, sinh ngày 22/02/2002, hiện tại 04 con đã thành niên, không thuộc trường hợp cấp dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án ông Trần Quang T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà Trần Thị Kim L kết hôn với nhau vào ngày 07/11/1982, có đăng ký tại UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện đúng pháp luật. Quá trình sống chung cho đến nay, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bị bệnh tai biến mạch máu não, dẫn đến mâu thuẫn về tiền bạc, bà L không quan tâm, chăm sóc ông. Vợ chồng đã ly thân 06 tháng nay, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm nhau nữa. Bà L yêu cầu ly hôn với ông thì ông không đồng ý, trường hợp bà L có trở về sống chung với ông thì ông cũng không đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng có 04 con chung là Trần Duy N, sinh ngày 27/8/1985; Trần Bảo D, sinh ngày 18/02/1988; Trần Duy L, sinh ngày 01/10/1994 và Trần Thùy H, sinh ngày 22/02/2002, hiện tại 04 con đã thành niên, không thuộc trường hợp cấp dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng tại phiên tòa:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án như sau: Thực hiện đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật Tố tụng dân sự qui định, Viện kiểm sát không có kiến nghị gì.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Kim L về ly hôn với ông Trần Quang T. Về con chung, vợ chồng bà L và ông T có 04 con chung gồm: Trần Duy N, sinh ngày 27/8/1985; Trần Bảo D, sinh ngày 18/02/1988; Trần Duy L, sinh ngày 01/10/1994 và Trần Thùy H, sinh ngày 22/02/2002, hiện tại 04 con chung đã thành niên, không thuộc trường hợp cấp dưỡng nên không xem xét; về tài sản chung, nợ chung: không có, không xem xét; về án phí: Bà Trần Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

Bà Trần Thị Kim Là ông Trần Quang T có đăng ký tại UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai vào ngày 07/11/1982, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 1036, quyền số 01, bà Lyêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông T. Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp về: “Ly hôn”.

Bị đơn ông Trần Quang T ở địa chỉ: Số nhà 754 đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Lâm Đồng thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

Nguyên đơn bà Trần Thị Kim L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Trần Quang T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt và không thuộc trường hợp sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

+ Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Thị Kim L và ông Trần Quang T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung theo bà L xác định: vợ chồng sống hạnh phúc được 23 năm. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn bắt đầu từ năm 2005 cho đến nay, ông T thường xuyên uống rượu về lớn tiếng với bà L, bà L thường xuyên phải nhẫn nhịn; khi bà L không chịu nổi đã cãi lại thì ông T nổi tính nóng cuồng đánh đập bà L, vì quá sợ hãi nên bà L phải trốn đi khỏi nhà. Ông T đã đập hình ảnh của bố mẹ bà L trên bàn thờ cúng, đi bê bối, dùng những lời lẽ xúc phạm, không tôn trọng bà L, khiến cho bà L vô cùng bị áp lực và đau khổ. Năm 2019 vợ chồng đã sống ly thân 03 tháng, sau đó bà L đã trở về đoàn tụ với ông T nhưng ông T vẫn tính nết, tật nấy không sửa chữa được và tiếp tục sống ly thân cho đến nay.

Theo ông T xác định: Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2017, nguyên nhân phát mâu thuẫn là do ông T bị bệnh tai biến mạch máu não, dẫn đến mâu thuẫn về tiền bạc, bà L không quan tâm, chăm sóc ông T. Ông T và bà L đều xác định, hiện tại vợ chồng đã sống ly thân mỗi người ở một nơi, mạnh ai nấy sống, không ai còn quan tâm đến nhau nữa.

Tại biên bản xác minh ghi ngày 10/3/2021 đối với ông Trần Văn T là Tổ Trưởng tổ dân phố 10, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, có nội dung: Về mâu thuẫn vợ chồng của ông Trần Quang T, bà Trần Thị Kim L như thế nào thì địa phương không nắm bắt được. Hiện tại ông Trần Quang T, sinh năm 1960, nơi đăng ký thường trú tại tổ 10, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng, hiện ở tại số nhà 754 đường N, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Xét hôn nhân giữa bà L và ông T lâm vào trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, mặc dù vợ chồng bà L và ông T đã sống ly thân nhưng cả hai không có giải pháp hàn gắn lại gia đình. Vì vậy, áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xử cho bà Trần Thị Kim L được ly hôn với ông Trần Quang T.

+ Về con chung: Vợ chồng bà L và ông T có 04 con chung là Trần Duy N, sinh ngày 27/8/1985; Trần Bảo D, sinh ngày 18/02/1988; Trần Duy L, sinh ngày 01/10/1994 và Trần Thùy H, sinh ngày 22/02/2002, hiện tại 04 con chung đã thành

niên, không thuộc trường hợp cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[3] Từ những phân tích, căn cứ pháp luật nêu trên, kết luận: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Kim L về “Ly hôn” đối với bị đơn ông Trần Quang T.

[4] Xét ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 144, 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về ... án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị Kim L về “Ly hôn” đối với bị đơn ông Trần Quang T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thị Kim L và ông Trần Quang T.

3. Về án phí: Bà Trần Thị Kim L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (ly hôn) là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2016/0018936 ngày 27/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Lâm Đồng. Bà bà Trần Thị Kim L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- + Các đương sự;
- + VKSND Tp. B;
- + TAND tỉnh Lâm Đồng;
- + Chi cục T.H.A.DS. Tp. B;
- + UBND xã G, huyện T, tỉnh Đồng Nai;
- + Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Vũ Đức Công